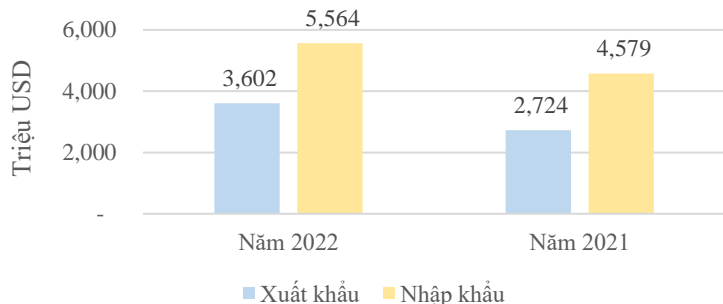


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

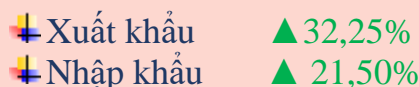
Thị trường ASEAN



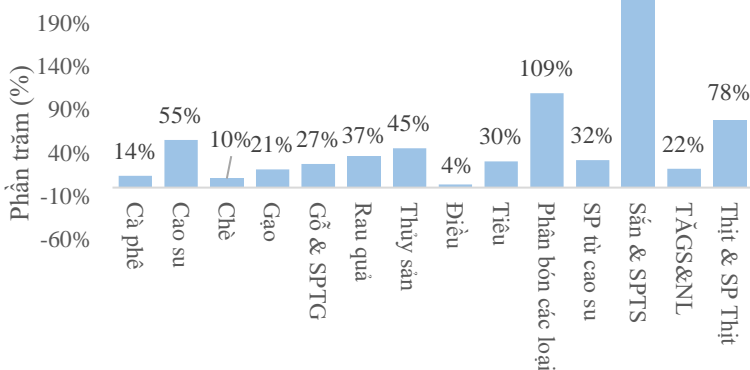
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - ASEAN



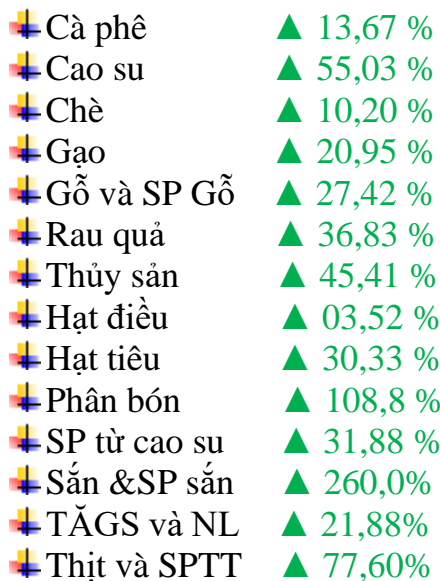
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (9T/ 2022 – 9T/ 2021)



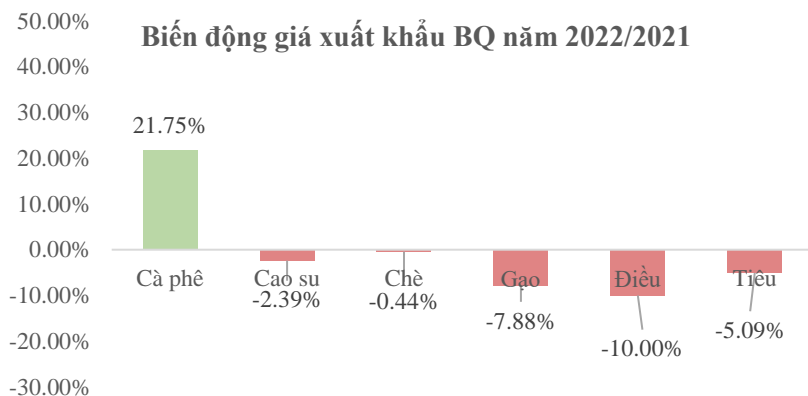
Biến động Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang ASEAN năm 2022/21



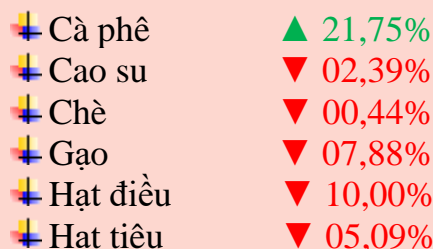
So sánh 9T-2022/ 2021



Biến động giá xuất khẩu BQ năm 2022/2021



So sánh giá xuất khẩu BQ T9-2022/2021



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

9 tháng đầu năm, xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm 17,6% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt hơn 3,6 tỷ USD, tăng 32,25% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu đạt 5,56 tỷ USD, tăng 21,50 % so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 9/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 344,26 triệu USD, giảm 18,52% so với tháng trước và tăng 18,46% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 9/2022 là gạo (chiếm 31%), thủy sản (chiếm 18%), hàng rau quả (chiếm 13%); phân bón các loại (chiếm 11%); cà phê (chiếm 9%). So với tháng 9/2021, có 13/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 260%), phân bón các loại (tăng 108,9%), thịt và sản phẩm từ thịt (tăng 77,6%), cao su (tăng 55,03%), thủy sản (tăng 45,41%), rau quả (tăng 36,83%), gỗ và sản phẩm từ gỗ (tăng 27,42%)... *Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Tính đến cuối tháng 9/2022, Philipin đã nhập khẩu 2,98 triệu tấn gạo, tăng 42% so với cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng này thậm chí đã vượt 7% so với tổng lượng nhập khẩu gạo trong cả năm 2021. Lượng nhập khẩu lớn nhất trong năm 2022 rơi vào tháng 8 với 433,5 nghìn tấn. Các nguồn nhập khẩu của Philipin là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Myanmar, Pakistan, Singapore, Tây Ban Nha, Thái Lan và Việt Nam. Trong đó, Việt Nam vẫn duy trì là nhà cung cấp hàng đầu, chiếm hơn 80% tổng khối lượng gạo nhập khẩu.

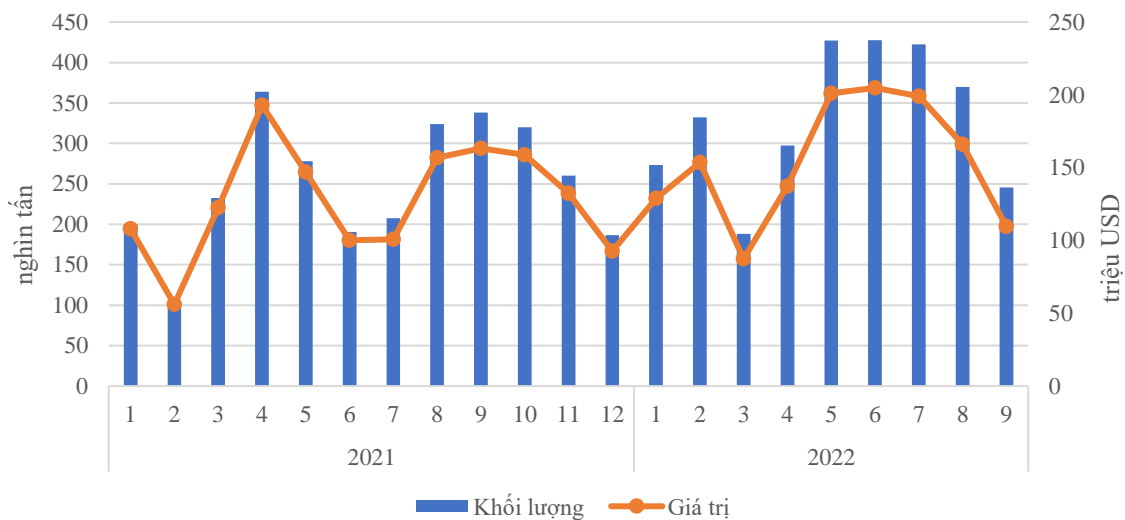
Theo USDA, diện tích trồng lúa niên vụ 2021/22 của Campuchia ước tính đạt 3,3 triệu ha, tăng nhẹ 1,4% so với niên vụ trước. Sản lượng lúa đạt 9,6 triệu tấn (tương đương lượng gạo xay xát là 5,9 triệu tấn), cũng tăng nhẹ 1,4% so với niên vụ trước. Tuy nhiên lượng xuất khẩu có thể giảm 11,9% xuống mức 1,4 triệu tấn. Nguyên nhân chính là do chi phí chuyên chở tăng, đặc biệt là sang các quốc gia EU, đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo của nước này.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2022, Việt Nam xuất khẩu được 245,7 nghìn tấn gạo, trị giá 109,5 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 33,6% về khối lượng và 34,1% về giá trị so với tháng trước; nhưng giảm 27,3% về khối lượng và 32,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt gần 3,0 triệu tấn, trị giá 1,4 tỷ USD, tăng 33,3% về khối lượng và 20,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

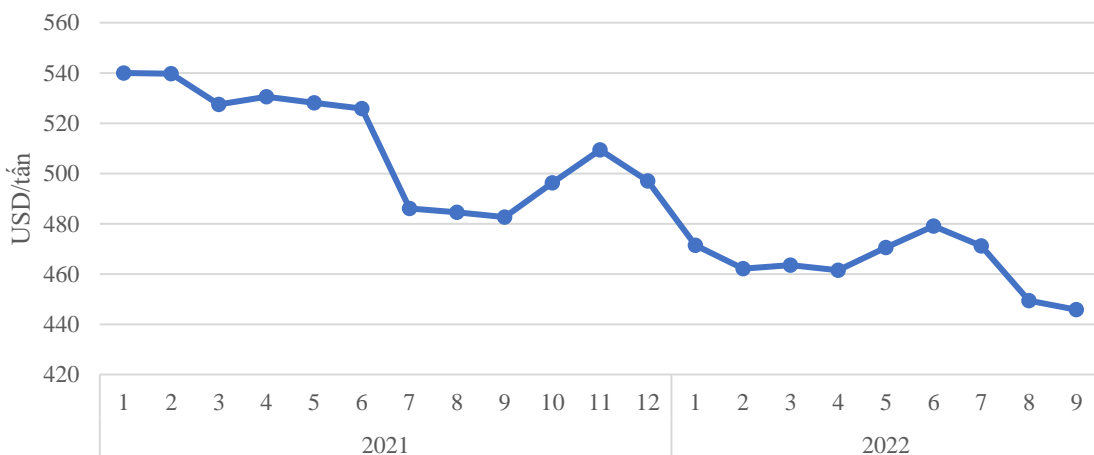
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 9/2022 đạt 445,8 USD/tấn, giảm 0,8% so với tháng trước và 7,6% so với cùng kỳ năm 2021.

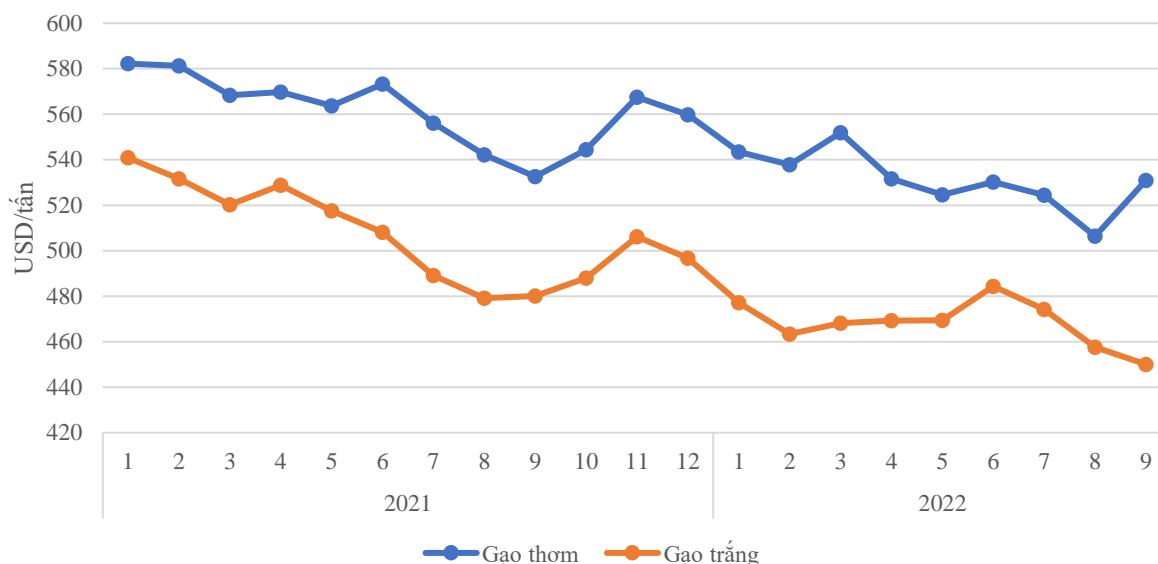
Hình 2. Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN đạt 189,2 nghìn tấn, trị giá 81,9 triệu USD, chiếm 77,0% về khối lượng và 74,8% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã giảm 13,9% về khối lượng và 21,3% về giá trị. Giá gạo trắng tháng 9/2022 đạt trung bình 450,1 USD/tấn, giảm 1,6% so với tháng trước và 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN



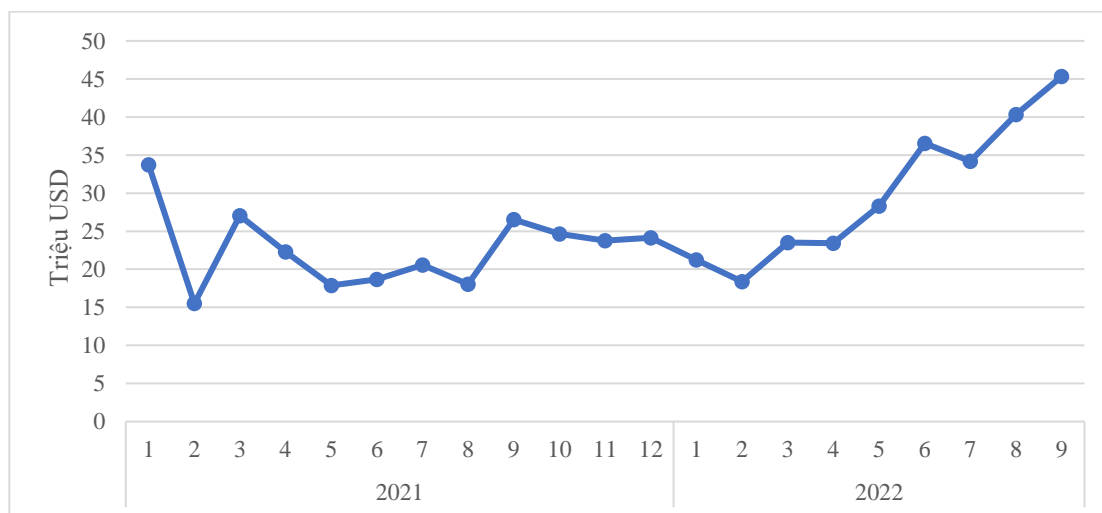
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Ngày 27/10, Campuchia tổ chức buổi lễ chính thức xuất khẩu nhãn tươi đầu tiên sang Trung Quốc. Lô nhãn đầu tiên với khối lượng 338 tấn được đóng trong 13 container, dự kiến được vận chuyển đến Quảng Đông trong 5 ngày.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 9 năm 2022 đạt 45,3 triệu USD, chiếm 18,0% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 12,3% so với tháng trước và tăng 70,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 271,3 triệu USD, chiếm 11,1% thị phần, tăng 35,5% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN

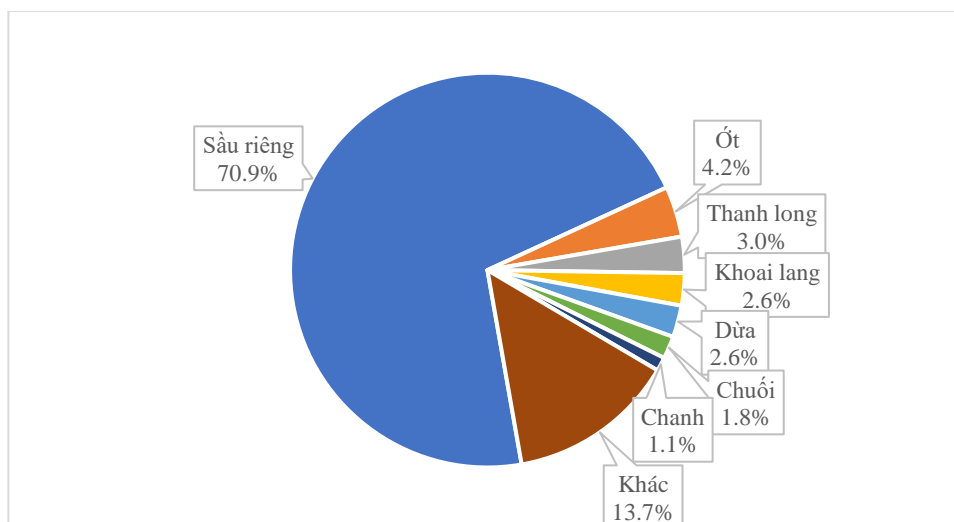


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 9 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 41,3 triệu USD (chiếm 91,1% thị phần, tăng 72,2% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 4,1 triệu USD (chiếm 8,9% thị phần), tăng 58,4%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 1,6 triệu USD (tăng 58,4% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 1,0 triệu USD (tăng 68,7%); rau chế biến (không đông lạnh – Mã HS:2005) đạt 916,1 nghìn USD (tăng 115,9%); v.v.

Trong tháng 9 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt 32,1 triệu USD (chiếm 70,9% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 129,8% so với cùng kỳ năm 2021; Ớt đạt 1,9 triệu USD (chiếm 4,2%), tăng 7,0%; thanh long đạt 1,3 triệu USD (chiếm 3,0%), tăng 124,9%; khoai lang đạt 1,2 triệu USD (chiếm 2,6%), giảm 29,1%; dứa đạt 1,2 triệu USD (chiếm 2,6%), giảm 63,5%; v.v.

Hình 5. Cơ cấu rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN tháng 9/2022



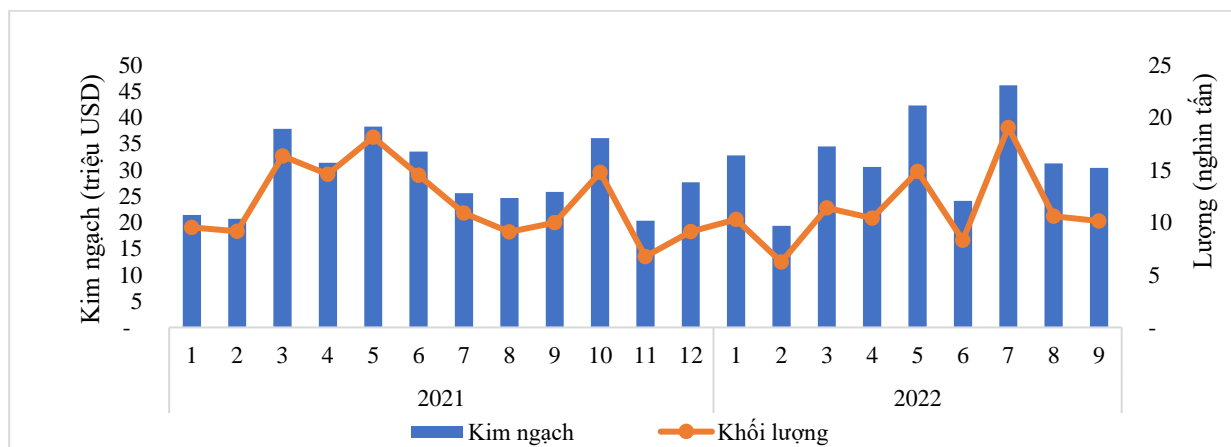
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 9 năm 2022 đạt 14,5 triệu USD, chiếm 7,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 32,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 9 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 207,1 triệu USD, chiếm 14,2% thị phần, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 9/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: đậu xanh đạt 7,1 triệu USD (chiếm 48,7%), tăng 45,5% so với cùng kỳ năm 2021; nhãn đạt 849,0 nghìn USD (chiếm 5,9%), giảm 17,9%; rong biển đạt 615,6 nghìn USD (chiếm 4,3%), tăng 241,4%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 9/2022 ước đạt 10,1 nghìn tấn với trị giá 30,4 triệu USD, giảm 4,4% về lượng và 2,7% về giá trị so với tháng trước, và tăng 1,7% về lượng và 17,6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

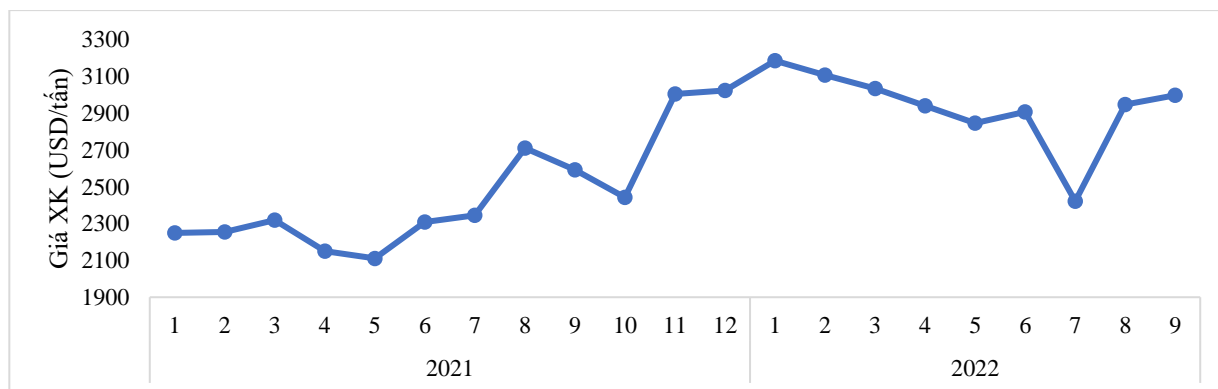
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 9/2022 đạt 2.997 USD/tấn, tăng 1,7% so với tháng trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ năm trước.

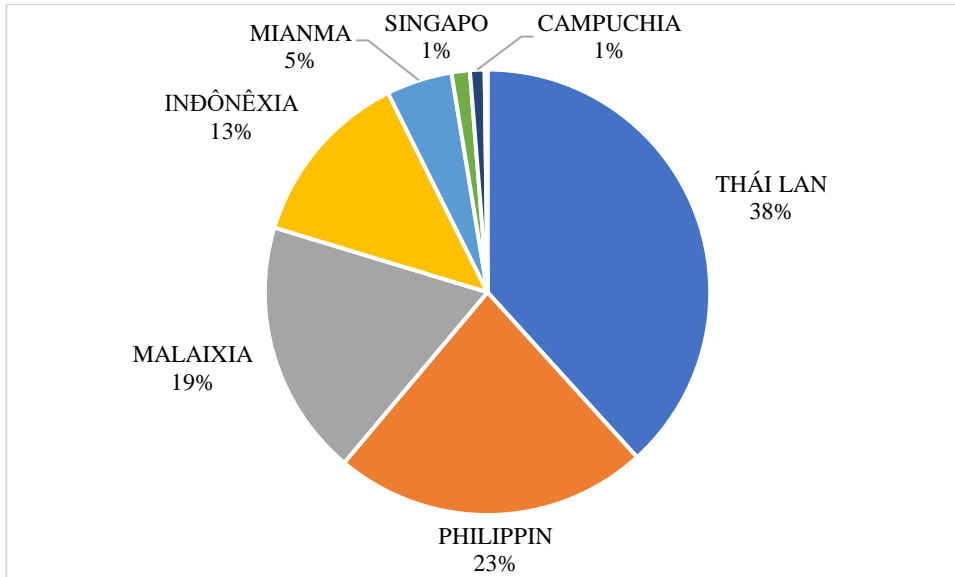
Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, Thái Lan là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 11,6 triệu USD, chiếm 38,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Phillipin là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 6,9 triệu USD, chiếm 22,8%. Tiếp theo là Malaysia, Indonesia và Myanma chiếm lần lượt 18,6%, 12,9% và 4,8% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

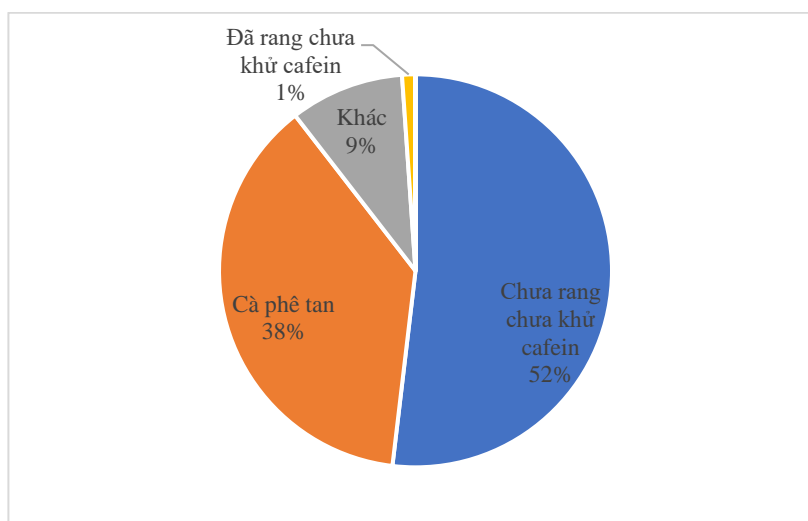
Hình 8. Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Trong tháng 9/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 15,8 triệu USD, chiếm 51,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 11,4 triệu USD, chiếm 37,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein chiếm 1,1% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

Hình 9. Chủn loại cà phê xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 9/2022

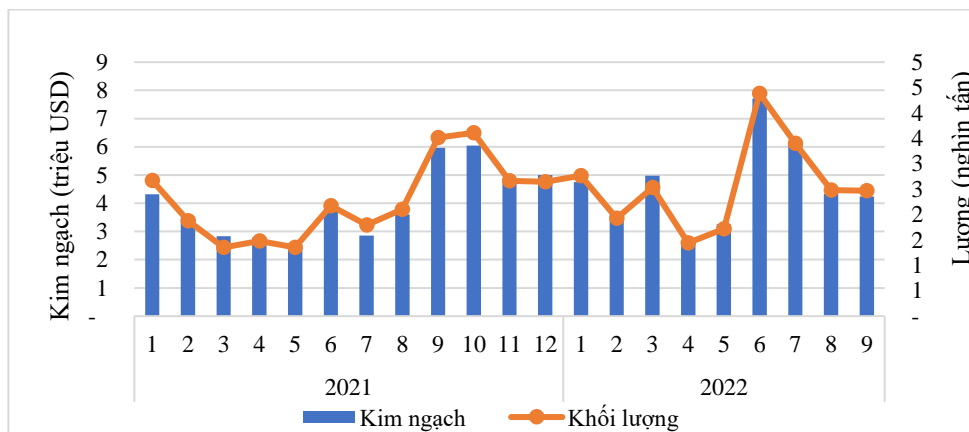


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 09/2022, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 2,475 nghìn tấn với trị giá 4,23 triệu USD, giảm 0,4% về khối lượng và 2,2% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ 2021, tăng 17,8% về khối lượng và giảm 29% về giá trị.

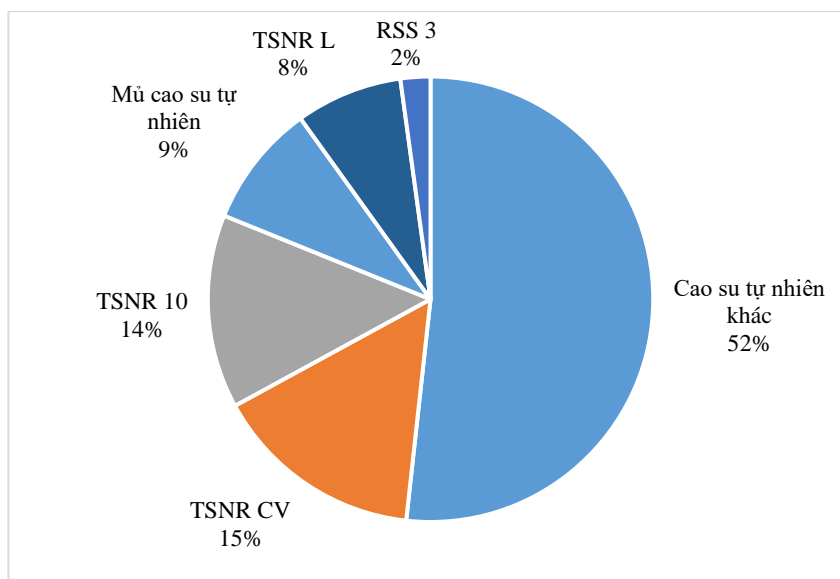
Hình 10. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 09/2022, TRNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang các quốc gia ASEAN đạt 438 nghìn USD, chiếm 15% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 10 với kim ngạch 402,2 nghìn USD, chiếm 14% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là mù cao su tự nhiên và TSNR L chiếm lần lượt 9% và 8% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là RSS 3 chiếm 2,2% tổng xuất khẩu sang ASEAN.

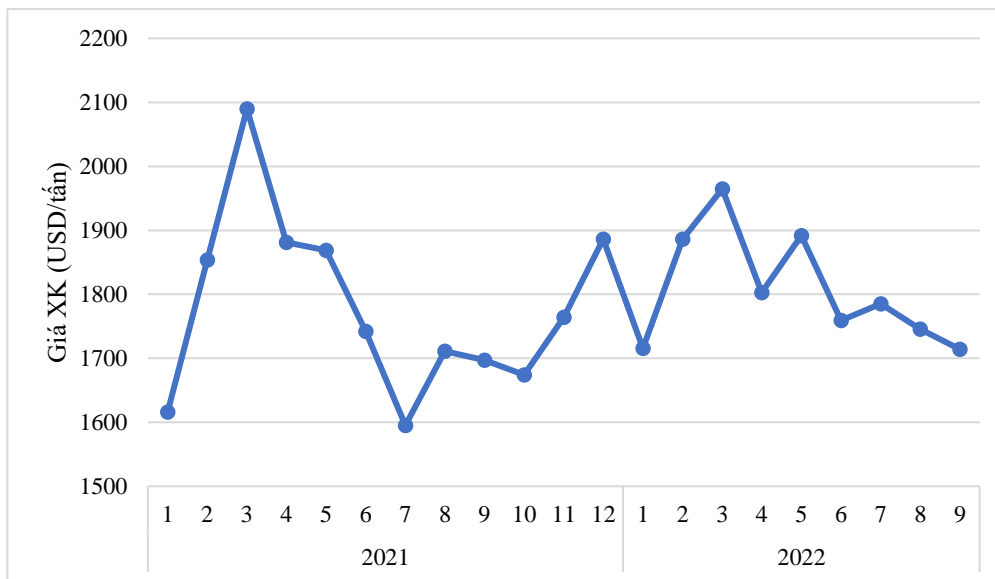
Hình 11. Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 9/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang các quốc gia ASEAN đạt mức 1.714 USD/tấn trong tháng 09/2022, giảm 1,8% so với tháng trước và giảm 1% so với cùng kỳ 2021.

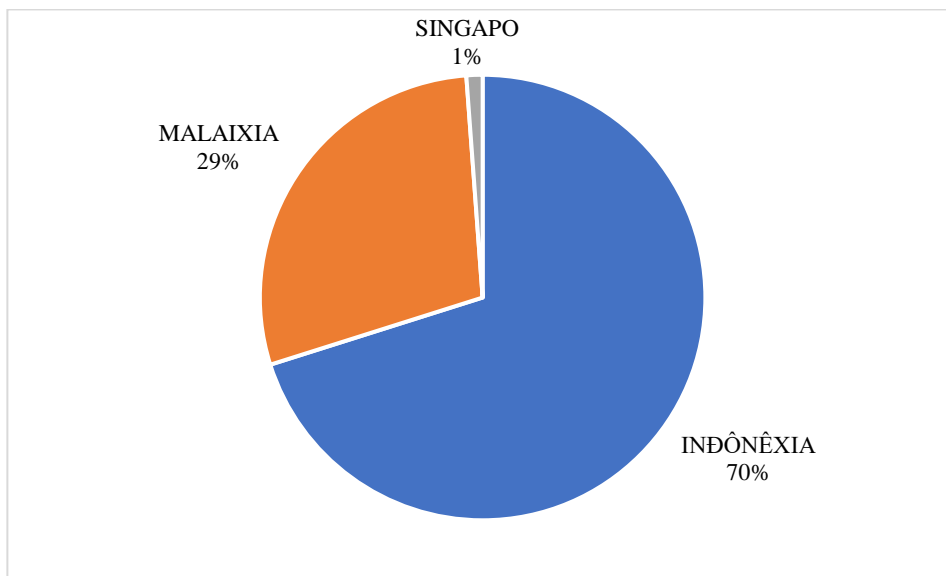
Hình 12. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 09/2022, Indonesia là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 2,97 triệu USD, chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 1,2 triệu USD, chiếm 29%, cuối cùng là Singapo với 49,6 nghìn USD chiếm 1%.

Hình 13. Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN

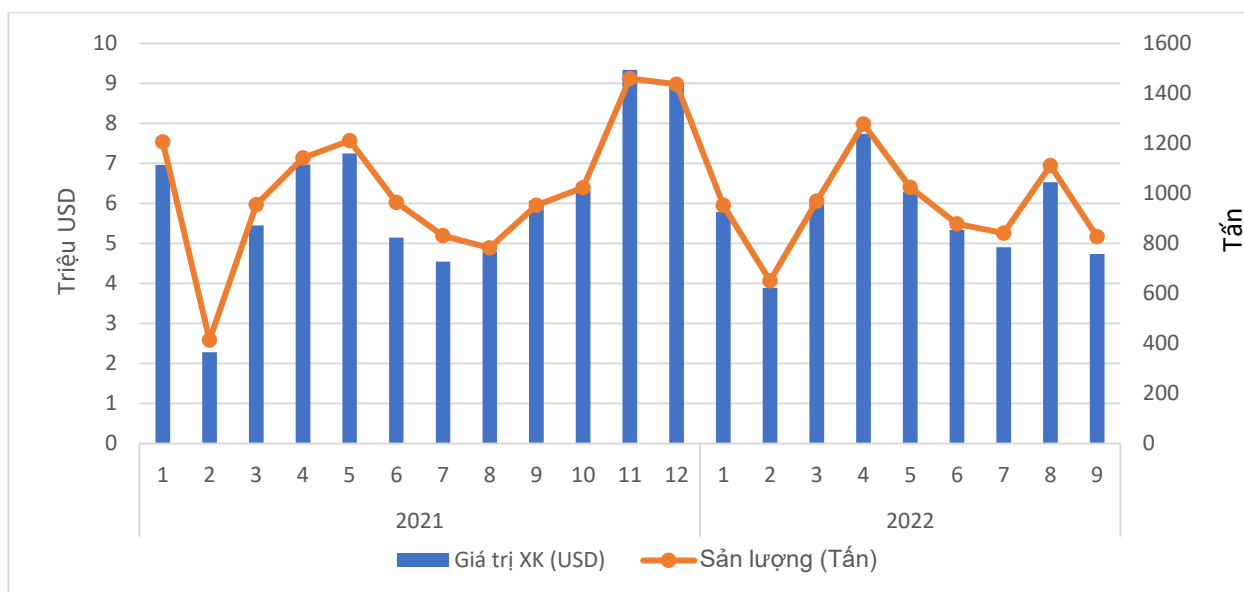


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2022, Việt Nam xuất khẩu được 828 tấn điều, trị giá 4,742 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 25,5% về khối lượng và 27,4% về giá trị so với tháng trước; giảm 13,1% về khối lượng và 21,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

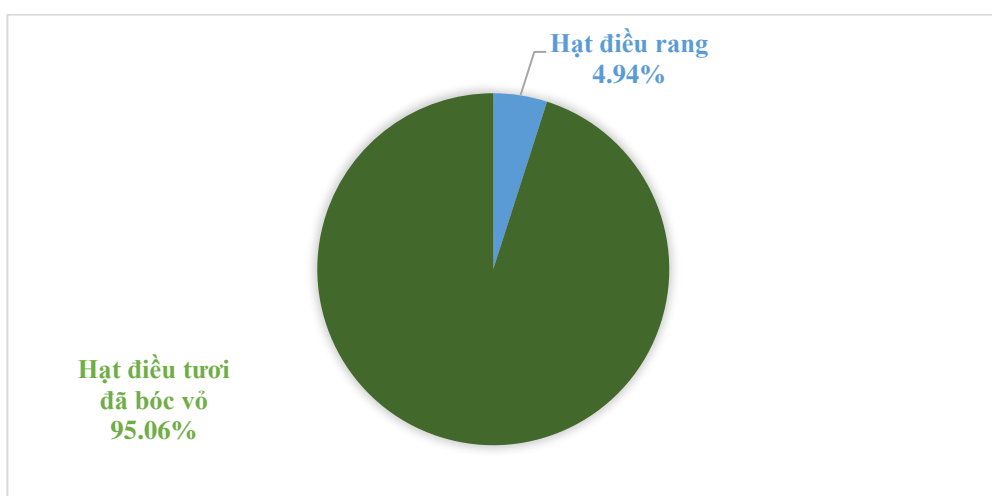
Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 9/2022, xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 95,06% tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này, đạt 6,3 triệu USD, giảm 28,7% so với tháng trước và 17,7% so với cùng kỳ năm trước. Hạt điều rang chỉ chiếm khoảng 4,93%, đạt 0,3 triệu USD, giảm 30,8% so với tháng trước và 13,2% so với cùng kỳ năm trước.

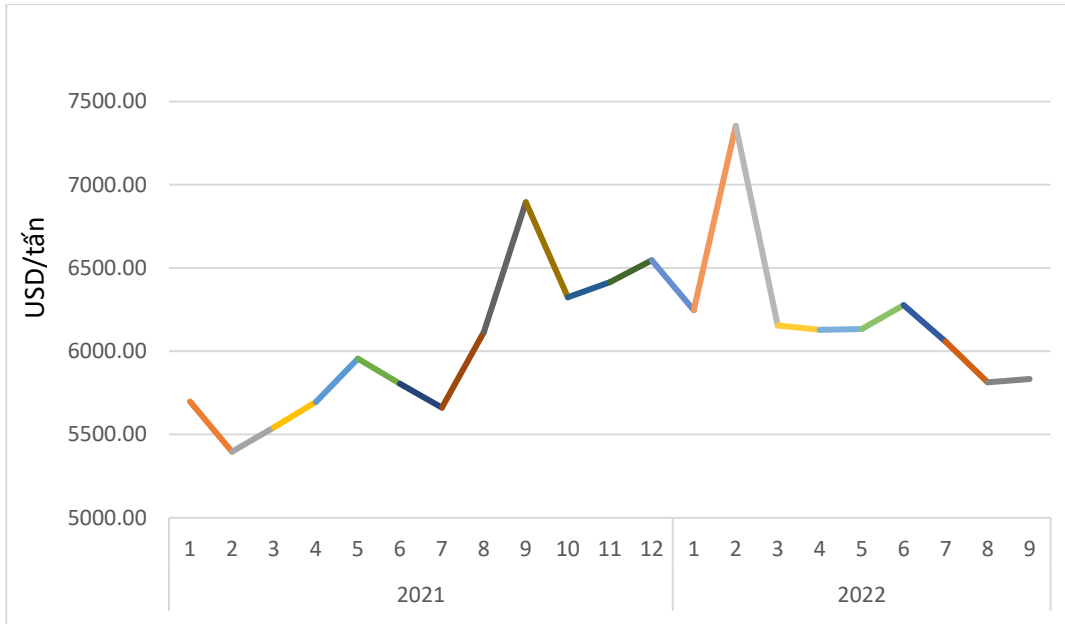
Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường ASEAN tăng nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, giá xuất khẩu trung bình trong tháng 9/2022 đạt 5.833 USD/tấn, tăng 0,3% so với tháng trước và giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 9/2022 đạt trung bình là 5,6 USD/kg, giảm 2,7% so với tháng trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN

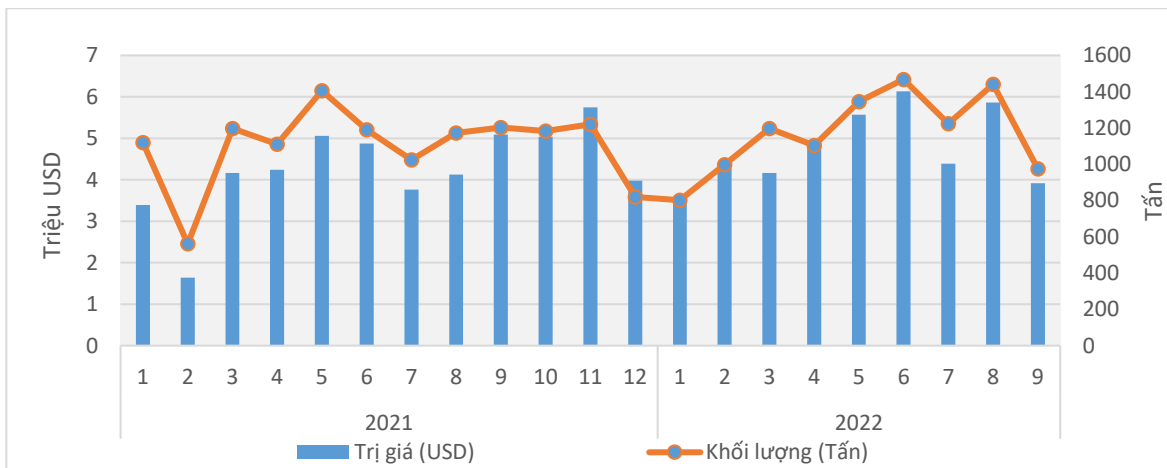


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HỒ TIÊU

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường ASEAN trong tháng 9/2022, đạt 975 tấn với trị giá 3,9 triệu USD, giảm 32,34% về khối lượng và giảm 33,27% về giá trị so với tháng trước và giảm 18,95% về khối lượng và giảm 23,08% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022..

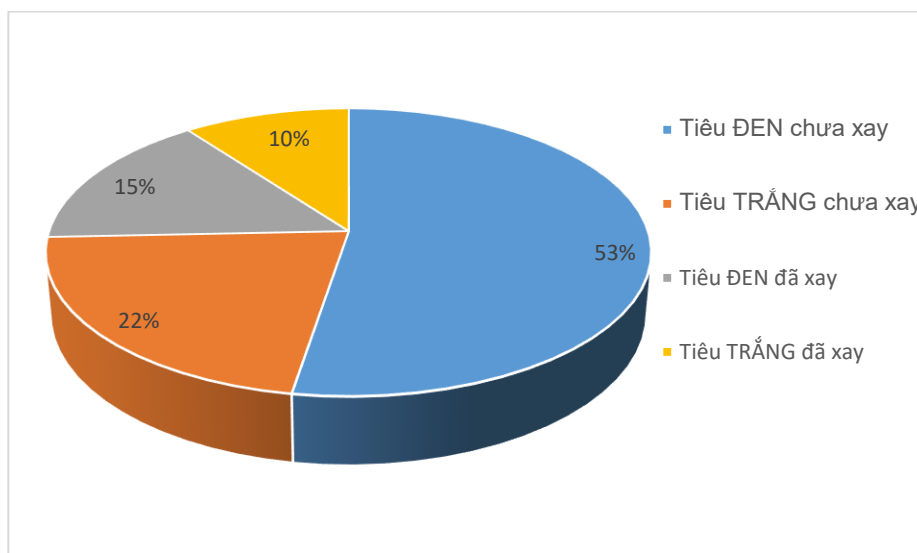
Hình 17. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 9/2022, tiêu đen chưa xay vẫn tiếp tục là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang ASEAN, chiếm 53% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 42,33% so với tháng trước và giảm 28,58% so với cùng kỳ năm 2021. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 22%, giảm 9,36% với tháng trước và 44,54% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là tiêu đen đã xay chiếm 15%, giảm 21,48% so với tháng trước. Cuối cùng là tiêu trắng đã xay chiếm 10% tổng giá trị xuất khẩu tiêu sang ASEAN.

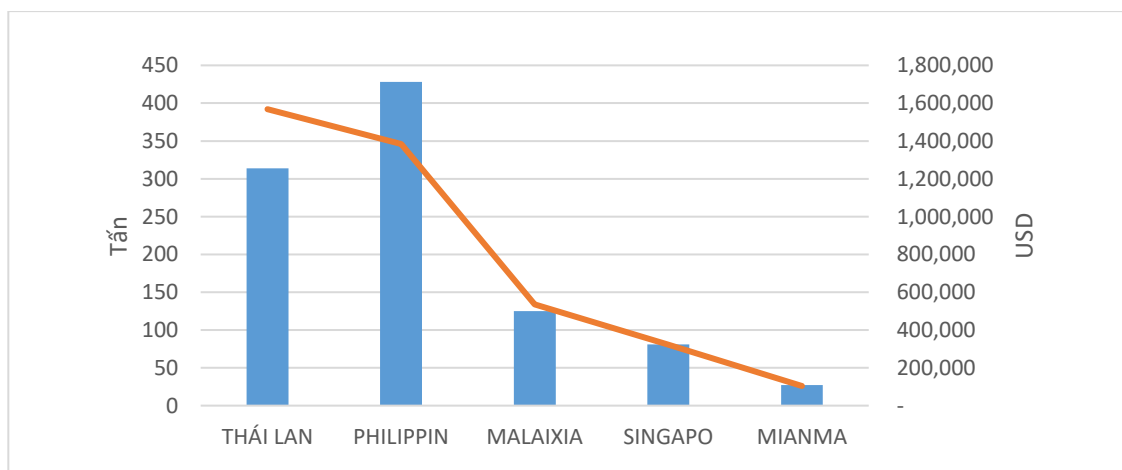
Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 9/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Quốc gia dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN trong tháng 9/2022 là Thái Lan với 314 tấn, đạt 1,57 triệu USD (chiếm 40%), đứng thứ 2 là Phillipin với 428 tấn, đạt 1,38 triệu USD (chiếm 35,4%). Tiếp theo là Malaysia và Singapo đạt lần lượt là 535,3 nghìn USD và 322,7 nghìn USD (chiếm lần lượt 13,7% và 8,2%), thấp nhất là Mianma đạt 103,83 nghìn USD (chiếm 2,7%).

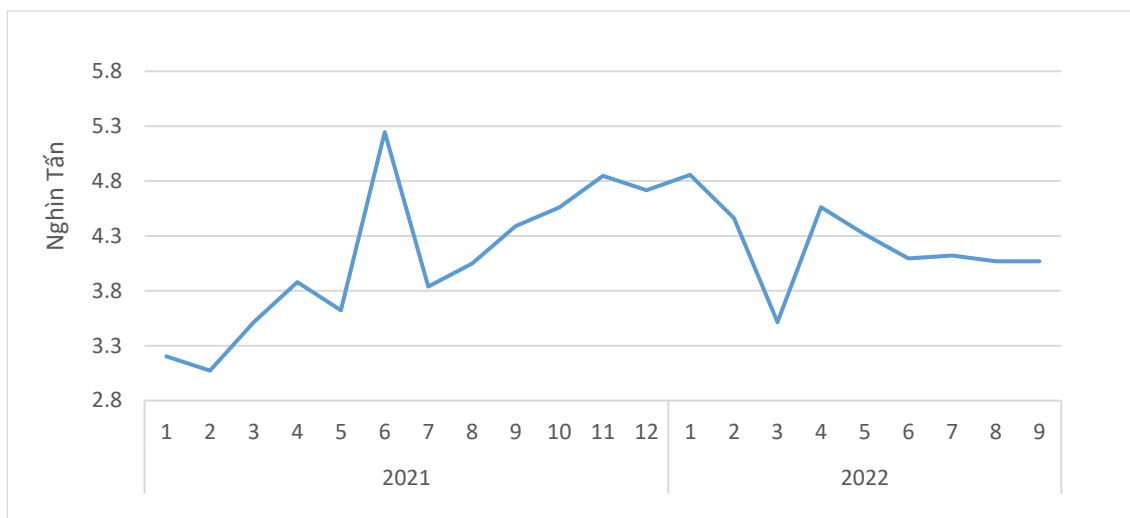
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam thị trường ASEAN tháng 9/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 9/2022 giảm nhẹ về mức 4.068 USD/tấn, giảm 0,004% so với tháng trước và 7,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 20. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



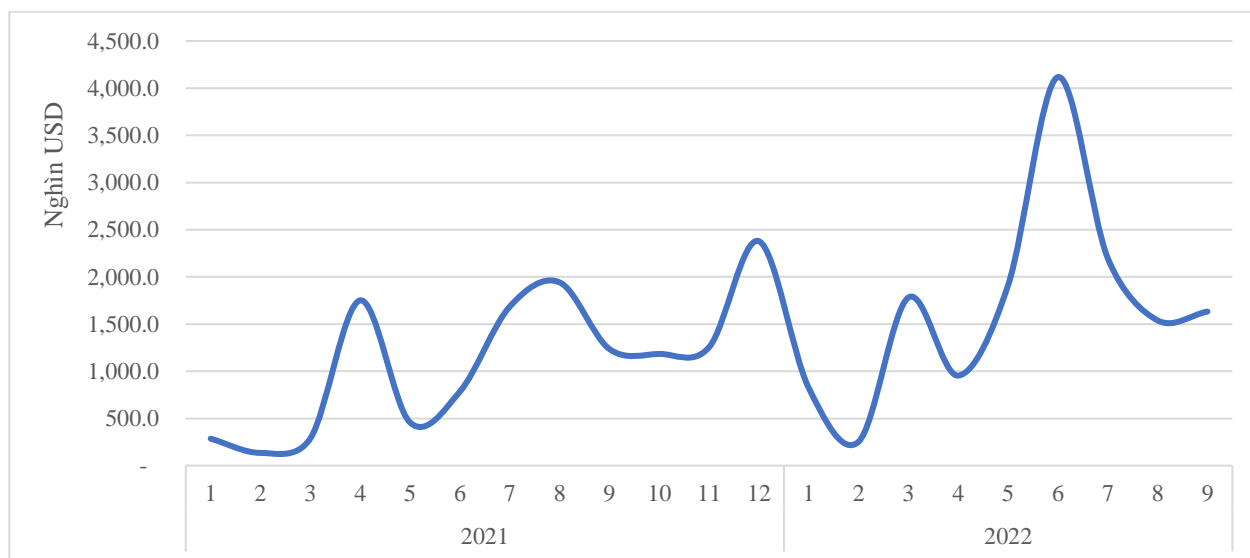
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

7. THỊT VÀ SẢN PHẨM THỊT

Theo Business Mirror, Philippines đã nhập khẩu hơn 464.838 triệu tấn thịt heo trong 8 tháng đầu năm, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Thịt heo nhập khẩu chiếm 54,56% tổng lượng thịt nhập khẩu của quốc gia này. Nhập khẩu thịt heo mảnh, đang được hưởng thuế suất thấp hơn, chiếm 55% tổng lượng thịt heo nhập khẩu trong giai đoạn này. Trong 8 tháng đầu năm, lượng mua thịt heo mảnh nhập khẩu (gồm cả thịt bụng) đã tăng 33,9% lên gần 257.187 tấn từ 192.081 tấn của năm ngoái. Nhập khẩu nội tạng heo của quốc gia này, một nguyên liệu thô được sử dụng bởi các nhà sản xuất thịt chế biến, đã tăng 14,82% lên 143.560,405 tấn từ 125.034,837 tấn của năm ngoái.

Trong tháng 9/2022, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN vẫn tiếp tục đà tăng từ tháng trước đạt 1,6 triệu USD, tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 21. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN

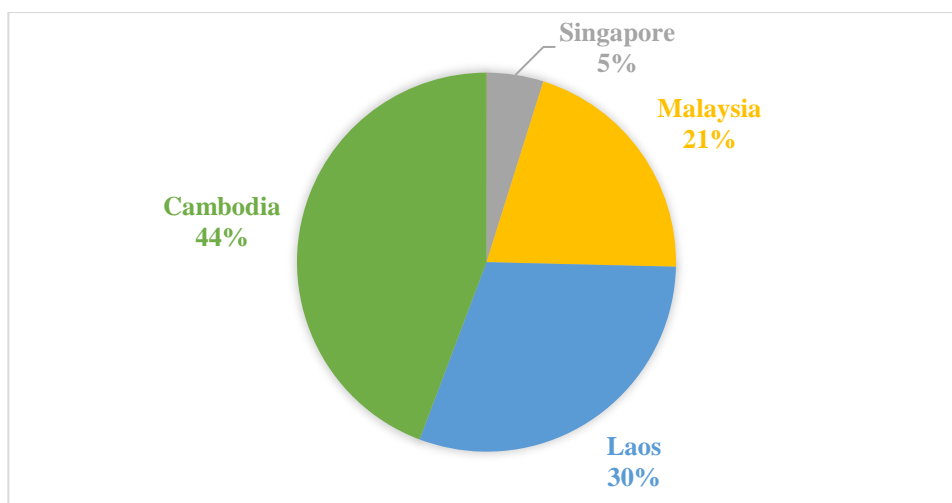


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Lợn sống là mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 9/2022 đạt 453,52 nghìn USD, chiếm 27,8% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh đạt 366,68 nghìn USD, chiếm 22,5%, tăng 101,5%; gia cầm sống đạt 215,16 nghìn USD, chiếm 13,2% và tăng 442,3%

Trong tháng 9/2022, Campuchia là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 415,46 triệu USD chiếm 43,8% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Lào đạt 490,85 nghìn USD chiếm 30,1%.

Hình 22. Cơ cấu giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN tháng 9/2022

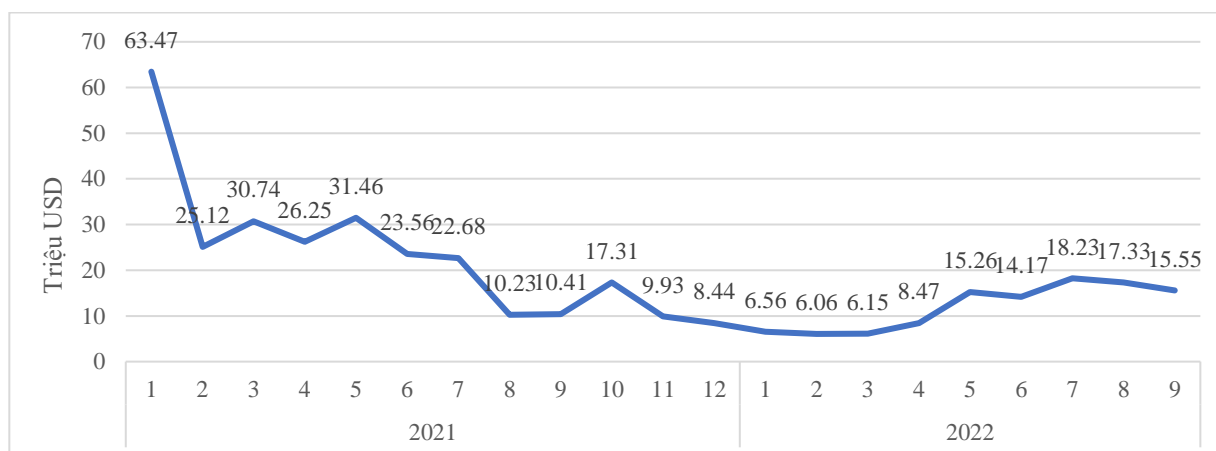


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 9/2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 15,55 triệu USD sản phẩm thịt và động vật sống từ các nước ASEAN, giảm 10,3% so với tháng trước nhưng tăng 49,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong

tháng 9/2022 vẫn là trâu bò sống chiếm tới 85,4% đạt 13,26 triệu USD; gia cầm sống chiếm 13%, đạt 2,08 triệu USD.

Hình 23. Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

FAO cho biết nhập khẩu thịt heo của Philippines trong năm nay có thể tăng 2,71% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 341.000 tấn để giải quyết sự thiếu hụt nguồn cung trong nước do dịch ASF gây ra, FAO cho biết trong một báo cáo triển vọng nửa năm. Bên cạnh đó, lượng heo địa phương của nước này sẽ tăng nhẹ trong năm nay lên 1,192 triệu tấn so với mức 1,118 triệu tấn của năm ngoái. Tổng lượng heo cho giết mổ ước tăng nhẹ lên 1.531 tấn so với 1.518 tấn của năm 2021.

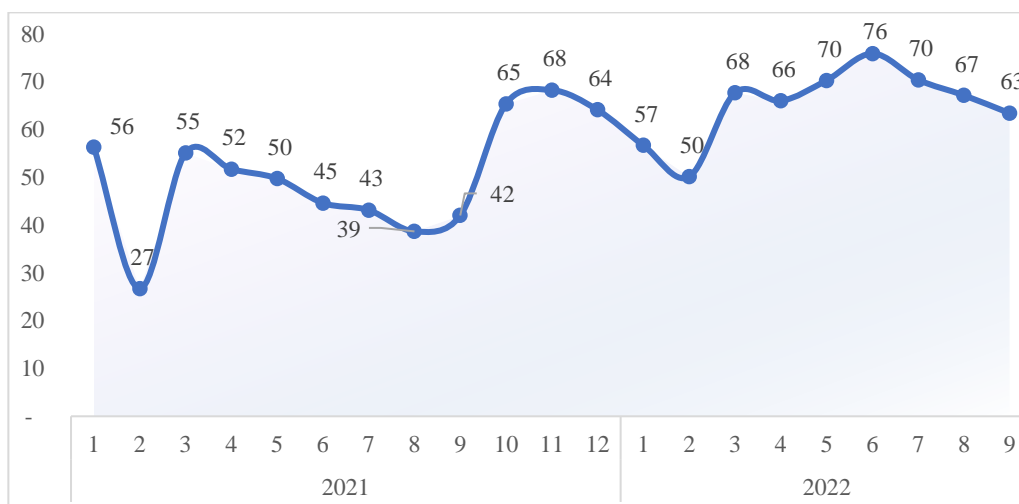
8. THỦY SẢN

Indonesia đang nỗ lực tăng sản lượng tôm vì mặt hàng này tiếp tục dẫn đầu cả về khối lượng và giá trị trong tổng XK thủy sản của nước này. Năm 2021, Indonesia xuất khẩu 241.000 tấn tôm, trị giá 2,18 tỷ USD. Mỹ và Nhật Bản là 2 thị trường lớn nhất của XK tôm Indonesia. Chính phủ Indonesia đặt mục tiêu tăng sản lượng tôm lên 2 triệu tấn vào năm 2024, phần lớn phục vụ cho xuất khẩu.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 9/2022 đạt 63,4 triệu, tăng 50,9% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 7,4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tính hết 9 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 588 triệu USD, tăng 44% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 24. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 2021-2022

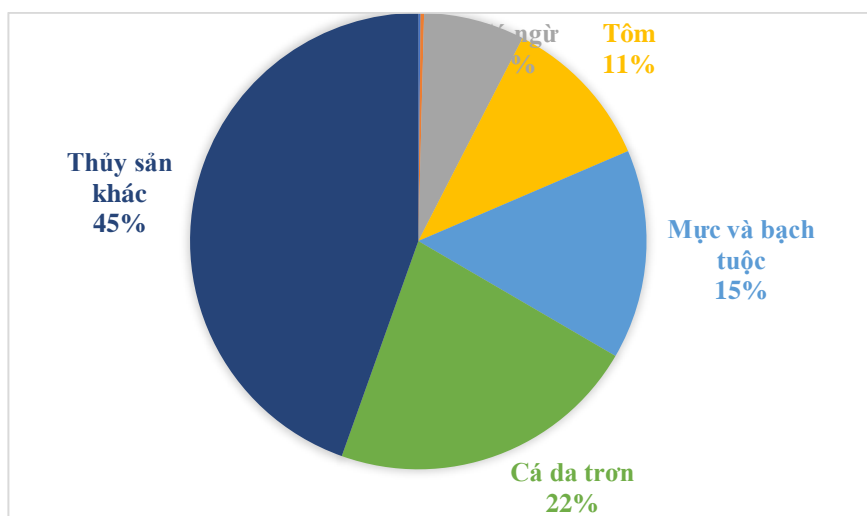
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 9/2022, chiếm 22% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 14,8%; tôm chiếm 11%.

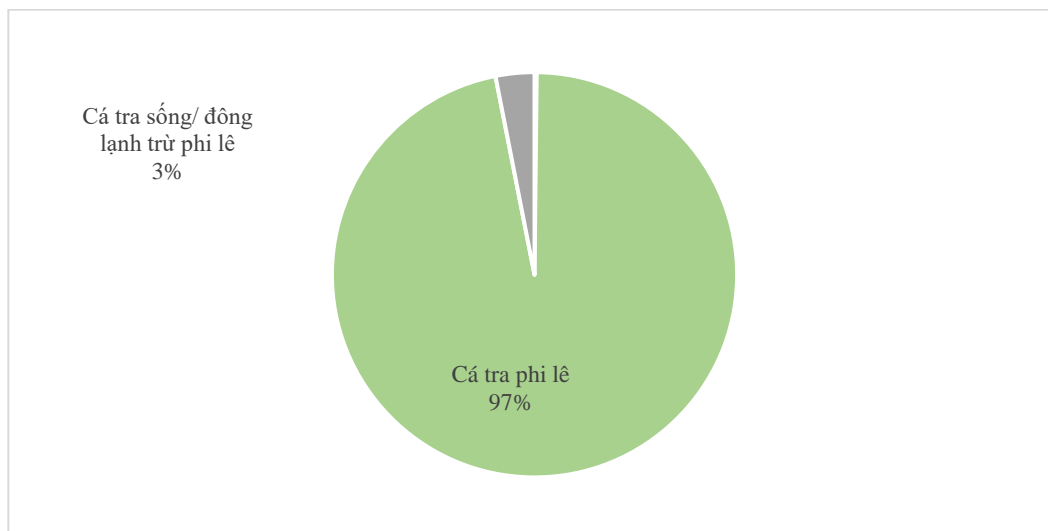
Hình 25. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 9/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 9/2022, cá da trơn vẫn giữ được đà tăng trưởng tại thị trường này so với cùng kỳ năm trước nhưng có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước, đạt 14 triệu USD, tăng 189,2% so với cùng kỳ năm trước, và 4,4% so với tháng 8/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 13,5 triệu USD, chiếm 96,4% tăng 184,2% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,5 triệu USD, chiếm 3,3%, tăng 618,4%.

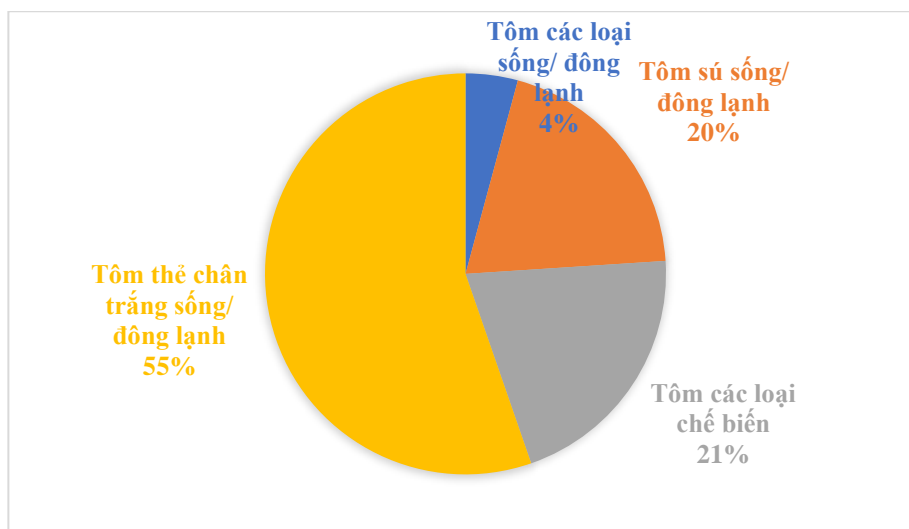
Hình 26. Cơ cấu cá tra xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 9/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 9/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt 7 triệu USD. Trong đó, tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 3,8 triệu USD, chiếm 55% tổng giá trị sản phẩm tôm, tăng 160,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1,4 triệu USD, chiếm 20,6%, tăng 150,4%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 1,4 triệu USD, chiếm 19,7%, tăng 160,8%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,3 triệu, chiếm 4,3%, giảm 25,5%.

Hình 27. Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 9/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 9/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 9,4 triệu USD, chiếm 14,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 27,3% so với cùng kỳ năm 2021; cá ngừ đạt 4,5 triệu USD, chiếm 97,1%, tăng 83,5%; cá rô phi đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,2%, giảm 1,5%; cua ghe đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,2%, giảm tăng 29,5%; thủy sản khác đạt 28,3 triệu USD, chiếm 44,6% và tăng 16%.

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 8/2022 sang thị trường này đạt 2 USD/kg, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021; tôm đạt 6,5 USD/kg, tăng 14,9%; cá rô phi đạt 1,5 USD/kg, giảm 10,2%.

Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 9/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,0	20.0%	3.2%
2	Cá rô phi	1,5	-10.2%	-11.3%
3	Cua, ghẹ	5,5	-11.7%	-1.9%
4	Mực và bạch tuộc	9,5	23.8%	7.3%
5	Tôm	6,5	14.9%	11.1%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan cho biết cơn bão Noru hồi cuối tháng 9, cùng với đợt mưa lớn kéo dài đầu tháng 10 đã khiến cho người nông dân trồng lúa nước này bị thiệt hại khoảng 3,0 tỷ baht (tương đương 78,8 triệu USD). Đứng trước quan ngại từ nhiều quốc gia nhập khẩu cho rằng Thái Lan bị ảnh hưởng sản lượng sẽ dẫn đến giảm xuất khẩu và giá gạo thế giới sẽ tăng mạnh, Hiệp hội nước này khẳng định mặc dù lũ lụt có thể ảnh hưởng sản lượng nhưng sẽ không tác động đến xuất khẩu vì Thái Lan có đủ dự trữ cho xuất khẩu gạo. Hiệp hội cho rằng năm 2022, xuất khẩu gạo của Thái Lan chắc chắn sẽ đạt 7,5 triệu tấn và có thể đạt tới 8 triệu tấn nhờ đồng baht yếu cũng như việc Ấn Độ tăng thuế xuất khẩu.

2. Rau quả

Theo đại diện Thương vụ Việt Nam tại Malaysia chia sẻ tại phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường RCEP do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại các thị trường thành viên Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tổ chức ngày 8/6/2022, Malaysia đã gỡ lệnh cấm nhập khẩu ớt Việt Nam từ tháng 4-2021. Tuy nhiên, nếu muốn nhập khẩu vào Malaysia thì trái ớt của Việt Nam phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT xác nhận các khu canh tác ớt riêng, đủ đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng ớt tại Malaysia và Trung Quốc rất lớn. Các đơn đặt hàng, nhu cầu tiêu thụ đặc biệt sản phẩm ớt đến Thương vụ nhiều nhưng chưa tìm được nguồn cung tại Việt Nam đáp ứng đủ yêu cầu của Malaysia. Do đó các doanh nghiệp và người trồng ớt nên liên hệ với Bộ NN&PTNT để triển khai sớm.

3. Điều

Xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN nhưng tháng cuối năm 2022 dự đoán vẫn tiếp tục gặp khó khăn do giá cước tàu biển neo ở mức cao, giá nhân hạt điều xuất khẩu không tăng kịp so với đà tăng của điều thô, các nhà máy không thể cân đối giá thành chế biến và giá xuất khẩu.

4. Cao su

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), nguồn cung cao su toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục thiếu hụt so với nhu cầu, điều này cho thấy triển vọng thị trường cao su tự nhiên dự kiến sẽ cải thiện hơn trong năm nay và các năm tới. Do đó, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Asean trong những tháng cuối năm vẫn lạc quan khi ngành hàng dần phục hồi nhờ nhu cầu tiêu thụ cao su toàn cầu tăng.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 9/2022

Sản phẩm	Tháng 9/ 2022 (USD)	Tăng /giảm so T8/2022	Tăng /giảm so T9/2021	Tỷ trọng
Cà phê	30,399,630	-2.74%	32.40%	9%
Cao su	4,234,256	-2.18%	594.83%	1%
Chè	831,567	-13.59%	67.72%	0%
Gạo	105,935,997	-34.70%	-32.95%	31%
Gỗ và sản phẩm gỗ	17,882,280	-23.14%	-1.09%	5%
Hàng rau quả	44,101,979	10.92%	79.53%	13%
Hàng thủy sản	62,894,661	-5.95%	71.48%	18%
Hạt điều	4,741,648	-27.41%	-21.80%	1%
Hạt tiêu	3,914,110	-33.27%	-23.08%	1%
Phân bón các loại	38,370,451	-9.23%	638.52%	11%
Sản phẩm từ cao su	5,289,959	-17.77%	136.52%	2%
Sắn và các sản phẩm từ sắn	770,656	-14.15%	333.71%	0%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	24,894,452	-21.84%	138.01%	7%
Tổng	344,261,646	-18.52%	18.46%	100%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 9/2022

T	Loại sản T phẩm	Tháng 9/2021		Tháng 9/2022		So sánh 2022/2021(%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	219.682	103.987.960	189.232	81.886.421	-13,9%	-21,3%
2	Gạo thơm	96.259	49.091.250	41.827	19.870.826	-56,5%	-59,5%
3	Các loại gạo khác	22.078	10.055.661	14.601	7.751.010	-33,9%	-22,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang ASEAN tháng 9/2022

Sản phẩm	Tháng 9/2021 (USD)	Tháng 9/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng giá trị XK	26.527.529	45.324.771	70,9%
Sầu riêng	13.986.773	32.134.716	129,8%
Ớt	1.760.836	1.884.123	7,0%
Thanh long	598.104	1.344.883	124,9%
Khoai lang	1.692.710	1.200.612	-29,1%
Dừa	3.229.337	1.180.010	-63,5%
Chuối	764.246	837.618	9,6%
Chanh	429.542	513.899	19,6%
Khác	4.065.981	6.228.909	53,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 9/2022

Mặt hàng	T9/2021 (USD)	T9/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	11.421.840	15.768.653	38,06%
Cà phê tan	11.815.649	11.438.437	-3,19%
Khác	2.402.174	2.854.364	18,82%
Đã rang chưa khử cafein	208.429	333.009	59,77%
Đã rang đã khử cafein	3.612	972	-73,09%
Tổng	25.851.704	30.395.435	17,58%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 9/2022

Loại sản phẩm	Tháng 9/2022 (USD)	Tháng 9/2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	13,985,999.8	4,836,241.5	189.2%
Cá nưừ	4,531,490.7	2,469,006.1	83.5%
Cá rô phi	102,300.0	104,038.6	-1.7%
Cua, ghe	155,780.9	221,089.0	-29.5%
Mực và bạch tuộc	9,417,795.1	7,397,100.0	27.3%
Tôm	6,979,284.1	2,817,938.3	147.7%
Thủy sản khác	28,265,083.9	24,194,125.0	16.8%
Tổng	63,437,734.6	42,039,538.5	50.9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan